TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Hùng Dũng;
Bà Dương Xuân Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Lê Thị N, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn A, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Lê Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ngô Văn A là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 09 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh A thường xuyên đi làm không về nhà, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn A.

- Về con chung: Chị N và anh A có một người con chung tên Ngô Phương T, sinh ngày 14-10-2014 (nam). Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Ngô Văn A trình bày:

Anh A và chị N chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Anh A đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh A và chị N có một người con chung tên Ngô Phương T, sinh ngày 14-10-2014 (nam). Khi ly hôn anh A đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh A không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đìnhcủa Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N, chị N được quyền ly hôn với anh A. Về con chung: Giao con chung cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh A là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19-02-2014 tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét thấy, lời trình bày của chị N thì mâu thuẫn giữa chị N và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Anh A đồng ý ly hôn nhưng không tham gia giải quyết vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh A có một người con chung tên Ngô Phương T, sinh ngày 14-10-2014 (nam), chị N yêu cầu được nuôi con chung, anh A đồng ý giao con chung tên Ngô Phương Tường, sinh ngày 14-10-2014 (nam) cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Do đó, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh A không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn A.

2. Về con chung: Giao cho chị N được quyền nuôi dưỡng, giáo dục một người con chung tên Ngô Phương T, sinh ngày 14-10-2014 (nam). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Ngô Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0021438 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Ngô Văn A không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Tiên Thuận;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN VĂN ĐOÀN